TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **22**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Thoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thanh Tâm;

2. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đỗ Hằng Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXX - ST ngày 20 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐ - HPT ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; Nơi Đăng ký HKTT: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Thôn Lộc Quý, xã Hòa Bình, huyện V, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn S**, sinh năm 1973; Nơi đăng ký thường trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn xin xử vắng mặt; anh S vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 01 năm 2025, bản tự khai đề ngày 25 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống và làm ăn tại xã M. Anh chị chung sống hạnh phúc được 09 năm thì đến năm 2013 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S không tôn trọng chị, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng bất đồng quan điểm, cãi vã thì anh S dùng bạo lực với chị. Tuy nhiên, vì con chị vẫn nín nhịn để giữ hạnh phúc gia đình. Ngày 17/3/2021 chị bị bệnh phải đi viện, khi về chị nói chuyện thì anh anh S xúc phạm chị và gia đình nH đẻ chị, đuổi chị đi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã H sinh sống, ly thân với anh S. Trong thời gian ly thân chị đã suy nghĩ lại và muốn níu kéo hạnh phúc nhưng anh S và chị có bất đồng mâu thuẫn quá lớn không dung hòa được. Nhiều lần như thế nên chị quyết định ly hôn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là: Phạm Thị Thu H, sinh ngày 09 tháng 10 năm 20xx và Phạm Hồng A, sinh ngày 14/9/20xx. Hiện nay con H đã trưởng thành, tự lập được kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Con A hiện đang ở với anh S tại Thôn L, xã M. Ly hôn, chị đồng ý giao con A cho anh S nuôi dưỡng hoặc theo nguyện vọng của cháu A. Nếu anh S yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Tòa án đã có văn bản thông báo cho chị và anh S đưa cháu A đến để Tòa án ghi nhận nguyện vọng của cháu A khi anh chị ly hôn nhưng giữa chị và anh S nhiều năm nay không gặp mặt, anh S chặn số liên lạc nên chị không gọi điện được để báo anh S đưa con đến Tòa. Chị biết anh S sẽ không đồng ý đưa con đến và cũng không đồng ý để Tòa án đến nH hoặc trường học nơi cháu A học tập để lấy lời khai vì sợ cháu bị tổn thương tâm lý. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không lấy nguyện vọng của cháu A. Trường hợp anh S không nuôi con hoặc cháu A có nguyện vọng ở với chị, chị đề nghị Tòa án giao con A cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Chị khẳng định anh S là lao động tự do, buôn bán các mặt Hng tiêu dùng như muối, thịt lợn tại khu vực huyện V nên có thu nhập và nH ổn định tại Thôn L, xã M. Còn chị lao động tự do, có nghề may sửa đồ gia dụng, quần áo ngay tại nhà bố mẹ chị, chị có thu nhập và sự hỗ trợ của bố mẹ chị về chỗ ở ổn định nếu được nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Chị và anh S có tạo dựng được tài sản trong gia đình nhưng ly hôn chị không yêu cầu giải quyết. Nợ chung của vợ chồng không có nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Phạm Văn S không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập, báo gọi nhiều lần (kể cả đến tòa và đến trụ sở UBND xã nơi anh sinh sống) nhưng anh S không đến. Tòa án cũng ra giấy mời đại diện gia đình anh S đến Tòa để trình bày và nêu quan điểm của anh S và đại diện gia đình nhưng họ đều vắng mặt.

3. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 25 tháng 02 năm 2025, ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình, là bố đẻ của chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H là con thứ ba trong gia đình ông. Chị H và anh S đăng ký kết hôn năm 2004 tại xã Hòa Bình do cả hai tự nguyện. Quá trình chung sống từ trước đến nay anh S là người chồng người cha cũng có trách nhiệm nhưng chủ yếu là do chị H chăm nom, vun vén cho gia đình. Tuy nhiên, anh S hay đánh chị H khi vợ chồng có khúc mắc, chị H thường xuyên cho qua để gia đình êm ấm. Bản thân anh S hay rượu chè nên không làm chủ bản thân chửi bới vợ và đánh đập vợ, thậm chí đuổi vợ đi và xúc phạm vợ cũng như cả gia đình ông mặc dù không có mâu thuẫn gì với gia đình ông cả. Chị H đã bỏ về nhà ông lần gần nhất là khoảng tháng 3/2021 do anh S đuổi đi. Ông và gia đình không chứng kiến việc anh chị sảy ra mâu thuẫn nhưng chị H về có kể lại và buồn bã nên gầy rộc đi không ăn uống gì. Gia đình ông đã khuyên bảo nhưng kết quả để anh chị về với nhau là khó vì hiện nay cả hai anh chị không gặp gỡ, không nói chuyện điện thoại với nhau. Vì vậy gia đình ông tôn trọng quyết định của anh chị ấy.

Chị H và anh S có hai con chung, cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 09/10/2005 đã trưởng tHnh, đang đi làm. Con thứ hai là Phạm Hồng A, sinh ngày 14/9/2010, hiện đang ở với anh S. Anh S làm nghề tự do lúc bán muối, lúc bán thịt ở chợ. Chị H hiện làm may vá tại nhà ông, có người đến thuê may thì chị làm ngay tại gia đình nên cũng có thu nhập đủ để sinh hoạt và nuôi con ăn học, do từ trước đến nay con cái đều được chị H và anh S quan tâm. Gia đình ông sẽ tiếp tục tạo điều kiện về chỗ ở ổn định cho chị H và con của anh chị và quan tâm đến cháu A.

Về tài sản chung và nợ chung của anh chị ông không nắm được, nên đề nghị giải quyết theo pháp luật và quan điểm của các anh chị.

4. Biên bản xác minh ngày 13 tháng 3 năm 2025 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V thể hiện: Chị H và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 31/11/2004. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống và làm ăn tại xã M; Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó có phát sinh mâu

thuẫn, chị H đã bỏ đi không sống cùng anh S 02 năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị địa phương không nắm được. Hiện tại anh S có nơi thường trú tại xã M và vẫn đang sống cùng con trai là Phạm Hồng A tại nhà. Anh S là người chấp Hnh chủ trương chính sách của đảng và pháp luật nhà nước, không vi phạm gì, chịu khó làm ăn, hiện buôn bán thực phẩm tươi sống và làm thợ xây tại địa phương. Về con chung: Địa phương cung cấp thông tin như chị H đã trình bày.

Ngày 13/3/2025 Tòa án về địa phương xác minh, có đề nghị địa phương thông báo anh S ra trụ sở UBND xã M để nêu quan điểm giải quyết vụ án với Tòa án. Đồng chí Trưởng thôn L đã trực tiếp làm việc với anh S và đề nghị anh S đến trụ sở UBND xã làm việc nhưng anh S không có nhà vì đang đi làm thợ xây; Mẹ đẻ của anh S đã già yếu nên không làm việc với Tòa án được. Qua nắm bắt thông tin bằng điện thoại của chính quyền địa phương ngay tại buổi làm việc, anh S từ chối không đến và có quan điểm: Chị H đã bỏ đi theo người đàn ông khác 02 năm nay nên đã không còn chung sống với anh. Việc ly hôn, anh để chị H tự quyết định giải quyết ly hôn theo pháp luật, anh không đến Tòa để giải quyết.

Về con chung: Anh trình bày như chị H trình bày. Khi ly hôn, cháu A con thứ hai của anh chị muốn ở với ai, anh để cháu tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung anh có quan điểm: Ngôi nhà anh và con trai anh đang ở được xây dựng trước thời điểm anh kết hôn với chị H, xây trên đất của bố mẹ đẻ anh. Nợ chung không có.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S; Về quan hệ con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hồng A, sinh ngày 14/9/2010. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh S phải góp cấp dưỡng nuôi con A.

Về tài sản: Do chị H và anh S không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Phạm Văn S có đăng ký thường trú tại Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là *" Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[1.2] Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt; anh Phạm Văn S vắng mặt 02 lần không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến Hnh xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã M vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp, kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Vì vậy anh chị đã nảy sinh mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống ly thân, mỗi người một nơi. Bố đẻ chị H và chính quyền địa phương nơi anh S đang sinh sống đều cung cấp là anh chị có mâu thuẫn và hiện đã sống ly thân với nhau được hai năm. Anh S đã được Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng đều không đến, không xin đoàn tụ và để mặc chị H tự giải quyết ly hôn. Như vậy cả hai anh chị cũng không còn mong muốn xây dựng cuộc hôn nhân này. Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung. Con lớn đã trưởng tHnh, tự lập kinh tế, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con. Con thứ hai là cháu Phạm Hồng A, sinh ngày 14/9/2010 đang ở với anh S tại Thôn L, xã M. Ly hôn, do anh S không thể hiện nguyện vọng mà để cháu A tự quyết định lựa chọn. Bản thân anh S không hợp tác nên không đưa cháu A đến Tòa án trình bày nguyện vọng. Chị H có đơn đề nghị Tòa án không lấy lời khai của cháu A về nguyện vọng của cháu muốn ở với bố hay với mẹ khi anh chị ly hôn vì lo sợ cháu

A bị tổn thương tâm lý. Xét chị H có nguyện vọng nuôi cháu A, bản thân chị có công việc và thu nhập cũng như nơi ở và sự hỗ trợ của gia đình chị; bố đẻ chị H trình bày quan điểm sẽ hỗ trợ chị H nếu chị H nuôi cháu A. Mặc dù cháu A đang sinh sống cùng anh S, song do anh S không đến Tòa trình bày quan điểm cụ thể về việc anh có muốn nuôi con A hay không. Vì vậy, để đảm bảo lợi ích tốt nhất cho con A, cần giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng con A. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh S phải góp cấp dưỡng nuôi con A cho chị.

[**2.3**] **Về tài sản**: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[**2.4**] **Về án phí**: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. **Về quan hệ con chung:** Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Hồng A, sinh ngày 14/9/2010. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh Phạm Văn S phải góp cấp dưỡng nuôi con A. Anh Phạm Văn S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Anh Phạm Văn S và chị Nguyễn Thị H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con chung sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung khi cần thiết.

3.**Về quan hệ tài sản:** Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001865 ngày 19 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện V tHnh tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân huyện V;*
- *Chi cục THA Dân sự huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M, huyện V;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)